

Số: 38/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 06 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Cao Lê Kiều D** – sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Cống Tre, xã K Bình, huyện K, tỉnh K Giang.

- Bị đơn: Ông **Trần Minh K** – sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Cống Tre, xã K Bình, huyện K, tỉnh K Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cao Lê Kiều D và ông Trần Minh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Cao Lê Kiều D và ông Trần Minh K kết hôn với nhau vào năm 2005, đến năm 2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K Bình, huyện K, tỉnh K Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/12/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D và ông K đã thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà.

Về con chung: Bà D và ông K có 01 người con chung tên Trần Hoàng N – sinh ngày 20/11/2007. Ông, bà thoả thuận: Giao cháu N cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Sự thoả thuận này của ông, bà phù hợp với nguyện vọng của cháu

N nên Tòa án ghi nhận.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà D và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa nhưng bà D tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí 150.000 đồng. Số tiền án phí bà D phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009020 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Bà D được nhận lại số tiền án phí còn thừa là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND xã K Bình, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho